

Bản án số: 621/2018/HS-PT
Ngày 12 – 11 – 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Thành

Ông Phạm Trí Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Hoàn – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 215/2017/TLPT-HS ngày 12 tháng 5 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2017/HSST ngày 29 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 831/2018/QĐXXPT-HS ngày 29 tháng 10 năm 2018;

- Bị cáo kháng cáo:

Nguyễn Văn Đ (Nguyễn Thành Đ), sinh năm: 1950 tại Nam Định, HKTT và chỗ ở: thôn 8, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ văn hóa: 10/10; con ông Nguyễn Văn T1 (đã chết) và bà Vũ Thị V1 (đã chết), bị cáo có vợ là Vũ Thị H, sinh năm 1950 và 03 con, lớn nhất sinh năm 1973, nhỏ nhất sinh năm 1978; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2013 đến ngày 24/8/2015 được trả tự do tại phiên tòa, đến ngày 03/6/2016 bị bắt tạm giam cho đến nay (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Ông Nông Minh Đ3: Luật sư thuộc Công ty TD - Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Địa chỉ: 23B Cửu Long, Phường 2, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Văn Q: Luật sư thuộc Văn phòng BT - Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Địa chỉ: 840/31/1 Hương Lộ 2, phường B1, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện hợp pháp của người bị hại ông Trần A U, sinh năm 1965 (đã chết):* Bà Hà Nàm C (vợ ông U), sinh năm 1968; trú tại: thôn 8, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Bình Phước; bà C ủy quyền cho ông Trần A S, sinh năm: 1970; trú tại: thôn 8, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Bình Phước (theo giấy ủy quyền ngày 21/05/2013).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh NLQ1, sinh năm 1978, trú tại số 90/11 đường S1, phường S2, Quận S3, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Chị NLQ2, trú tại 90/11 đường S1, P. S2, quận S3, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Cháu Trần Ký M, sinh năm 1999 (có mặt).

2. Cháu Trần Ký T, sinh năm 2007 (có mặt).

Cháu T và cháu M có bà Hà Nàm C là mẹ ruột làm người đại diện hợp pháp (có mặt).

3. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1966 (vắng mặt).

4. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1973 (có mặt).

Cùng trú tại thôn 8, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Bình Phước.

5. Ông Điều R, sinh năm 1962 (vắng mặt).

6. Bà Điều Thị K, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Cùng trú tại thôn 4, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Bình Phước.

7. Anh Chiến Sỹ C1, sinh năm 1979, trú tại thôn 2, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

8. Tô Văn K1, sinh năm 1959; trú tại tổ 1, thôn 6, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

- *Những người được mời đến tham dự phiên tòa:*

1. Ông Trương Xuân T2, Công an xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).
2. Ông Lê Thế P, Công an xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).
3. Ông Đào Xuân B, Công an xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).
4. Ông Nguyễn Phùng L1, Điều tra viên – Công an tỉnh Bình Phước (có mặt)
5. Ông Trần Văn H2, Bác sỹ pháp y Phòng kỹ thuật hình sự (PC54) – Công an tỉnh Bình Phước (có mặt).
6. Ông Lê Nguyên S1, Bác sỹ pháp y Phòng kỹ thuật hình sự (PC54) – Công an tỉnh Bình Phước (vắng mặt).
7. Ông Bùi Văn T3, Phòng kỹ thuật hình sự (PC54) – Công an tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 28/01/2013 Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1950, điều khiển xe mô tô BKS 52S6-1324 đến nhà ông Trần A U sinh năm 1965, trú tại thôn 8, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Bình Phước. Tại nhà ông U còn có vợ ông U là bà Hà Nàm C, sinh năm 1968, các con của ông U là cháu Trần Ký M, sinh năm 1999 và Trần Ký T sinh năm 2007, Trần Ký C2 sinh năm 2011. Lúc này, ông U cùng Đ uống rượu và đánh bài xì phé ăn tiền mỗi ván thắng, thua được số tiền từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng ở ngoài vườn gần sân nhà ông U

Khoảng 14 giờ cùng ngày, cháu M điều khiển xe mô tô chở bà C đến quán tạp hóa của chị Trần Thị X sinh năm 1971, trú tại thôn 6, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Bình Phước để mua đồ dùng trong gia đình, còn cháu T và cháu C2 đứng trước hiên nhà, lúc này thấy cháu C2 khóc nên ông U nghỉ chơi đánh bài để bế cháu C2 nhưng Đ không đồng ý dẫn đến cãi vã, xô xát nhau. Trong lúc xô xát, Đ cầm 01 viên gạch tàu và 01 khúc cây đánh ông U làm rách da đầu chảy máu, viên gạch vỡ thành 4 mảnh. Ông U đi ra khu vực giếng cách nhà 11m thì Đ chạy đến đánh tiếp rồi đẩy ông U rơi xuống giếng (Bút lục số 117, 124, 125, 129, 130, 131, 670, 675, 54, 57).

Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 52S6 -1324 chạy về nhà mình, còn Cháu T dẫn cháu C2 đi ra đường sau nhà đứng khóc chờ mẹ và chị

về, cùng lúc này cháu M chở bà C về nhà, thấy Thảo và Cường đứng ngoài đường khóc, cháu M dừng xe hỏi có việc gì? Thì Cháu T nói cho M và chị C biết là ba bị ông Đ đánh và xô xuống giếng chết. Trong lúc đó, vợ chồng ông Điều R sinh năm 1962 và bà Điều Thị K, sinh năm 1960 đi xe mô tô vào thôn 6, xã Đ1 làm rẫy, khi đi đến vườn cao su cách nhà ông U 504m thì thấy Nguyễn Văn Đ (đầu không đội mũ bảo hiểm) điều khiển xe mô tô chạy ngược chiều. Khi Điều R đi đến sau nhà U thấy C và các con của C đứng khóc nên dừng xe lại hỏi thì cháu M kể lại sự việc trên. Khoảng thời gian này chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1966 chạy xe mô tô chở sau con gái đi vào rẫy trên đường đi qua khu vực nhà bà Hồ Thị Y cách nhà ông U 1.200m gặp Đ chạy xe ngược chiều, khi chị L chạy xe đến sau nhà ông U biết sự việc nên chở cháu M đi báo hàng xóm và công an xã Đ1 biết (bút lục số 117, 124, 125, 129, 130, 131, 670, 675, 134, 142, 664, 669, 153, 158, 683, 686, 676, 682, 620, 621).

Ngày 29/01/2013 Nguyễn Văn Đ bị bắt giữ để điều tra, Nguyễn Văn Đ không thừa nhận việc đánh và đẩy Trần A U xuống giếng, nhưng với hệ thống chứng cứ thu thập trong quá trình điều tra đã xác định diễn biến vụ án và hành vi của Nguyễn Văn Đ như nêu trên.

Tại bản kết luận giám định số 35/2013/GDPY ngày 31/01/2013 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bình Phước kết luận: Nạn nhân Trần A U, sinh năm 1965 có ba vết thương dập rách da đầu do vật tày có cạnh tác động. Nạn nhân tử vong do ngạt nước hô hấp, suy hô hấp cấp. (Bút lục 54-57)

Tại bản kết luận giám định số 357/C54B ngày 5/2/2013 của Phân viện kỹ thuật Hình sự tại TP.Hồ Chí Minh kết luận: các dấu vết ghi thu trên đồng hồ, trên nền nhà và trên tay quay giếng đều là máu người, phân tích gen cho thấy đây là máu của nạn nhân Trần A U (bút lục số 64)

Tại bản kết luận giám định số: 3261/C54B ngày 28/11/2016 của Phân viện Kỹ thuật hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: chữ ký, chữ viết “Nguyễn Văn Đ” trên hộp giấy là do Nguyễn Văn Đ ký, và viết ra (bút lục 615, 616)

Tại bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số: 19/16/GĐHS ngày 30/5/2016 của Viện pháp y quốc gia Phân viện tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Khúc gỗ gửi giám định có thể gây ra vết thương vùng trán. Bốn mảnh gạch tàu vỡ gửi giám định có thể gây ra được hai vết thương vùng cằm (bút lục 583, 586)

Tại bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số 24BS/16/GĐHS ngày 30/6/2016 của Viện pháp y quốc gia Phân viện tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: trong trường hợp bị hại Trần A U bị rơi xuống giếng va vào lòng giếng thì

không thể gây ra được các vết thương trên đầu (vùng trán và vùng cằm) (bút lục 590, 592)

Vật chứng thu giữ được: 01 khúc gỗ dài 1,17m, 04 mảnh gạch vỡ, 01 áo sơ mi màu xanh ngắn tay, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Cronton, 01 điện thoại Nokia C1, 02 đĩa nhạc, 01 can rượu trắng, 01 số mảnh vỡ của bát sứ, 03 lá bài, 01 xe mô tô BKS 52S6 – 1324.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 28/2015/HSST ngày 24/8/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ không phạm tội giết người. Yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước có trách nhiệm khôi phục danh dự, quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyễn Văn Đ theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/8/2015, bà Hà Nàm C và ông Trần A S có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án buộc Nguyễn Văn Đ phải chịu trách nhiệm hình sự.

Ngày 01/9/2015, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước có Quyết định kháng nghị số 05/KNPT-VKS-P1 kháng nghị bản án hình sự sơ thẩm số 28/2015/HSST ngày 24/8/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 72/2016/HS-PT ngày 24/02/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử: chấp nhận một phần quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước và một phần kháng cáo của gia đình người bị hại. Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 28/2015/HSST ngày 24/8/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước, vì lý do điều tra chưa đầy đủ.

Tại Bản Cáo trạng số 50/CTr- VKS ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tiếp tục truy tố Nguyễn Văn Đ về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 của Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2017/HSST ngày 29/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ (Nguyễn Thành Đ) phạm tội Giết người.
2. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; khoản 2 Điều 46; Điều 45, 34 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ (Nguyễn Thành Đ) tù chung thân; thời hạn tù kể từ ngày 03/6/2016 (thời hạn bị cáo bị tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 29/01/2013 đến ngày 24/8/2015).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/4/2017, bị cáo Nguyễn Văn Đ có đơn kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn Đ giữ nguyên kháng cáo kêu oan với lý do bị cáo không gây ra cái chết của ông U vì không có mâu thuẫn nên không có lý do gì để đánh bị hại và bị hại nhỏ tuổi hơn nên không thể để bị cáo đánh; Cháu T còn quá nhỏ khi sự việc xảy ra và lời khai của Cháu T có nhiều mâu thuẫn, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét minh oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Bị cáo có đến nhà nạn nhân Trần A U chơi bài, uống rượu nhưng bị cáo cho rằng khi bị cáo ra về có vợ con ông U ở nhà. Tuy bị cáo không thừa nhận nhưng căn cứ vào lời khai của cháu Trần Ký T, biên bản nhận dạng, biên bản đối chất, lời khai của Cháu T tại các phiên tòa đều phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Điều R, bà Điều K, bà L, bà Hà Năm C, cháu Trần Ký M, ông Chiến Sỹ C1; phù hợp với biên bản khám nghiệm tử thi, biên bản kiểm tra hiện trường, kết luận giám định pháp y và biên bản khám xét người bị cáo.

Xét về mặt thời gian thì khi bị cáo rời khỏi nhà người bị hại thể hiện qua các biên bản thực nghiệm điều tra xác định khi bị cáo rời khỏi nhà người bị hại thì gặp người làm chứng, Cháu T gặp cháu M, bà C đi mua đồ về, người làm chứng gặp cháu M và Cháu T nghe cháu M kể lại chuyện bị cáo đánh và đẩy người bị hại xuống giếng. Ngoài ra, đồng hồ thu giữ trên người bị cáo Đ có dính máu của bị hại. Từ đó có thể kết luận, bị cáo là người tới nhà người bị hại đánh bài, uống rượu và sau đó có hành vi dùng khúc gỗ và gạch đánh vào đầu người bị hại và đẩy người bị hại xuống giếng. Hậu quả người bị hại chết là do bị cáo gây ra. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội Giết người là có căn cứ, không oan sai và tuyên phạt bị cáo Tù chung thân là phù hợp. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Nông Minh Đ3 bào chữa cho bị cáo trình bày: Vụ án này có nhiều vi phạm về tố tụng như: căn cứ vào lời khai của Cháu T khi Cháu T mới 5 tuổi và chưa nói rõ tiếng kinh để làm chứng cứ buộc tội bị cáo. Tại thời điểm xảy ra vụ án thì Cháu T chưa đủ 6 tuổi nên chưa có năng lực hành vi dân sự. Lời khai của Cháu T còn nhiều mâu thuẫn. Đồng thời, lúc lấy lời khai của Cháu T chỉ có mặt ông Chiến Sỹ C1 không phải là người giám hộ của Cháu T là vi phạm tố

tụng. Đặc biệt, chứng cứ được cho là quan trọng nhất trong vụ án là chiếc đồng hồ thu giữ của bị cáo không đúng trình tự, không được lập biên bản thu giữ, niêm phong, không giao cho bị cáo, biên bản thu giữ chỉ ghi đơn giản là đồng hồ có quai da có vết màu nâu nhưng không ghi vết màu nâu bên quai nào, số seri của đồng hồ, việc đưa đồng hồ đi giám định cũng không được lập thành biên bản thì không đủ căn cứ đồng hồ đưa đi giám định là đồng hồ của bị cáo. Nếu cho rằng đồng hồ dính máu do bị cáo đánh người bị hại bắn vào thì chiếc áo bị cáo mặc chắc chắn cũng sẽ dính máu nhưng áo bị cáo mặc không được thu giữ. Những vật chứng khác như khúc gỗ, mảnh gạch được cho là hung khí gây án lại không được giám định vân tay. Từ những vấn đề sai phạm như đã trình bày đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm, tuyên bị cáo Nguyễn Văn Đ vô tội.

Luật sư Nguyễn Văn Q bào chữa cho bị cáo Đ tranh luận: Về việc niêm phong chiếc đồng hồ Croton là vi phạm nghiêm trọng tố tụng vì khi thu giữ đồng hồ của bị cáo không lập biên bản niêm phong tang vật riêng, không miêu tả cụ thể đồng hồ. Anh Trần Đức J là người lập biên bản tạm giữ tang vật khai đồng hồ được quấn băng keo nhưng không biết ai quấn còn bị cáo thì khai có người mang đồng hồ đi khoảng 1 giờ đồng hồ rồi về ép bị cáo ký. Cơ quan điều tra cũng chưa trưng cầu giám định xem vết máu trên đồng hồ là do ngoại lực tác động hay hình thành tự nhiên. Đồng thời việc niêm phong không có người chứng kiến và không được giao cho bị cáo là vi phạm tố tụng nên không được coi là vật chứng. Khúc gỗ và mảnh gạch được cho là hung khí của vụ án không được niêm phong, miêu tả không cụ thể mà chỉ nói là khúc gỗ dài 1,17m. Kết quả giám định pháp y kết luận: 4 mảnh gạch tàu gửi đến giám định có thể gây ra vết thương vùng trán nhưng không thể xác định được mẫu vật cụ thể nào. Lời khai của cháu Thảo cũng không xác định được bị cáo lấy hung khí từ đâu, tư thế đánh như thế nào, vị trí cụ thể... Anh Lê Đức G Phó công an xã Đ1 đã khai tại phiên tòa là chỉ bảo vệ vòng ngoài nhưng lại ký vào mục người làm chứng trong biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi là vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Lời khai của Cháu T còn nhiều mâu thuẫn nên không thể coi là căn cứ buộc tội bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Đ vô tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn Đ giữ nguyên kháng cáo kêu oan, không thực hiện tội phạm vì không có lý do gì đánh bị hại, mối quan hệ giữa bị cáo và bị hại rất tốt như anh em kết nghĩa.

[2] Tuy nhiên, kết quả điều tra thể hiện:

[2.1] *Về xảy ra việc xô xát tại nhà ông U:*

Theo bị cáo Đ, vào khoảng 10 giờ ngày 28/01/2013, bị cáo có tới nhà ông Trần A U cùng uống rượu, đánh bài có ăn tiền để làm quà cho các cháu. Lúc này có vợ ông U là bà Hà Năm C ở sau bếp và cháu C2, Cháu T con ông U ở nhà. Sau khi uống rượu, đến 13 giờ 45 phút Nguyễn Văn Đ ra về, lúc này có vợ, con ông U ở nhà và ông U hoàn toàn khoẻ mạnh.

Đến 17 giờ cùng ngày thì bị cáo được Công an xã Đ1 mời làm việc, bị cáo mới biết ông U chết, có lập biên bản làm việc, xem xét dấu vết thân thể và có lập biên bản thu giữ của bị cáo 01 đồng hồ và có ghi rõ trên đồng hồ có một vết màu nâu.

Theo lời khai của Cháu T thì khi cháu M điều khiển xe chở bà C đi đến tiệm tạp hoá của bà X để mua hàng, còn cháu C2 và Cháu T đứng chơi ở hiên nhà thì cháu C2 khóc nên ông U nghỉ chơi bài để đến dỗ cháu C2 nhưng Đồng không đồng ý nên đã xảy ra cãi vã, xô xát nhau.

Trong lúc xô xát bị cáo Đ đã dùng 01 viên gạch tàu và 01 khúc cây đánh ông U làm rách da đầu chảy máu. Ông U đi ra giếng cách nhà 11m thì bị cáo Đ tiếp tục đánh ông U và đẩy ông U xuống giếng.

Lời khai của Cháu T phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường là tại nhà ông U, có nhiều vết máu trên hè, ngoài giếng và thu giữ tại hiện trường vụ án có 04 mảnh gạch xác định cùng một viên vỡ ra, các vết vỡ còn mới, có 01 mảnh có dính máu của người bị hại thu giữ tại miệng giếng, 01 thanh gỗ dài 117cm x 4,3cm x 4cm thu giữ tại cạnh miệng giếng, là có xảy ra xô xát tại nhà ông U.

Trong suốt quá trình điều tra, bị cáo Đ không thừa nhận việc có xô xát, đánh nhau với ông U, nhưng theo lời khai của Cháu T, Công an xã Đ1 đã làm việc kiểm tra thân thể của bị cáo Đ và thu giữ đồng hồ có dấu vết màu nâu.

Nên có cơ sở xác định Cháu T và cháu C2 ở nhà cùng ông U, đã chứng kiến được việc xô xát và sau đó Cháu T dẫn cháu C2 ra phía ngoài đường đứng đợi mẹ là bà C và báo tin “ông Đồng đã đánh bố chết”, là phù hợp với thực tế chứng kiến.

[2.2] *Về thương tích của nạn nhân:*

Theo Cháu T khai: “Cháu thấy bố cháu và bác Đ ngồi nhậu ở trước cửa nhà, một lúc thấy bố cháu và bác Đ chửi nhau rồi hai người đánh nhau. Một lúc sau bố cháu đi ra giếng rửa chén thì bị bác Đ cầm gạch đập lên đầu và dung tay xô bố xuống giếng”.

Lời khai của Cháu T cũng phù hợp với kết luận giám định pháp y về tử thi, nạn nhân là ông U có 03 vết thương dập rách da đầu do vật tày có cạnh tác động, nạn nhân tử vong do ngạt nước hô hấp và suy hô hấp cấp.

Khi khám nghiệm hiện trường đã thu giữ 04 mảnh gạch xác định cùng một viên vỡ ra, các vết vỡ còn mới, có 01 mảnh có dính máu của người bị hại thu giữ tại miệng giếng, các miếng gạch này có thể gây ra 02 vết thương tại vùng cằm, 01 thanh gỗ dài 117cm x 4,3cm x 4cm thu giữ tại cạnh miệng giếng có thể gây ra vết thương vùng trán của người bị hại U.

Trong trường hợp bị hại Trần A U bị rơi và va đập vào lòng giếng thì không thể gây ra được các vết thương trên đầu.

Nên có cơ sở xác định ông U chết là do xô xát, bị đánh và bị đẩy xuống giếng, là phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường; vật chứng thu giữ và kết quả giám định pháp y về tử thi và nguyên nhân chết của ông U .

[2.3] Về vật chứng và dấu vết trên cơ thể của bị cáo:

Trên cơ sở lời khai của Cháu T, bị cáo Đ đã bị Công an xã mời làm việc cùng ngày, đã khám xét dấu vết trên thân thể và thu hồi chiếc đồng hồ của bị cáo Đ mang trên tay, có vết màu nâu.

Tại Biên bản tạm giữ tang vật ngày 28/01/2013 (Bút lục 82) thu giữ đồng hồ Croton, bị cáo Đ đã ký vào hộp niêm phong và thừa nhận chữ ký của bị cáo, tại biên bản niêm phong đồ vật mô tả được những đặc điểm cơ bản và đồng hồ có dấu vết màu nâu, là được thu giữ và niêm phong theo thủ tục thu giữ vật chứng phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Đ thừa nhận có mang theo chiếc đồng hồ Croton đến nhà ông U và mang trên tay từ nhà ông U về và không cởi đồng hồ ra cho đến khi làm việc với Công an xã Đ1 và bị thu giữ và chiếc đồng hồ có vết màu nâu.

Kết quả giám định AND đối với vết màu nâu trên đồng hồ của bị cáo Đ đã xác định vết màu nâu là máu của ông U.

[3] Mặt khác, tại Bản kiểm tra thân thể ngày 29/01/2013 (Bút lục 36) cho thấy có một số vết sưng trên thân thể, nhưng bị cáo cho rằng do chăm sóc bụi hoa hồng trong vườn nhà gây ra, nhưng thực tế bị cáo không có trồng bụi hoa hồng nào trong vườn.

[4] Ngoài ra, theo quy định tại Điều 66 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 quy định người làm chứng là người biết được những tình tiết liên quan đến vụ án. Cháu T là nhân chứng trực tiếp duy nhất trong vụ án này, lời khai của Cháu T là

phù hợp với biên bản khám khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng, kết quả giám định pháp y về tử thi, nguyên nhân chết của ông U và các tài liệu chứng khác, phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án, nên có giá trị chứng cứ.

[5] Như vậy, kết quả kiểm tra thân thể và chiếc đồng hồ mà bị cáo Đ mang theo từ nhà ông U về, cho đến khi làm việc và bị thu giữ vật chứng, có vết màu nâu, là máu của ông U thể hiện bị cáo và ông U có xảy ra xô xát tại nhà ông U và vết máu trên đồng hồ thể hiện bị cáo Đ trở về nhà sau khi đã xảy ra xô xát và gây ra cái chết cho ông U, là phù hợp lời khai của Cháu T là bị cáo Đ bỏ về sau khi đánh và đẩy ông U xuống giếng.

[6] Tổng hợp các tài liệu chứng cứ như đã phân tích nêu trên có cơ sở xác định: bị cáo Nguyễn Văn Đ đã tới nhà ông U chơi đánh bài, uống rượu từ 10 giờ ngày 28/01/2013. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày do ông U không chơi bài nữa để giữ con thì bị cáo Đ không đồng ý nên đã xô xát nhau. Sau đó bị cáo Đ đã dùng gạch và 01 khúc gỗ đánh vào đầu người bị hại, khi người bị hại đi ra giếng bị cáo tiếp tục đánh, xô đẩy làm người bị hại rơi xuống giếng, sau đó lấy xe mô tô chạy về nhà.

Xét, bị cáo Đ đã dùng gạch, khúc gỗ dài là hung khí nguy hiểm đánh vào vùng đầu là nơi xung yếu của cơ thể là có khả năng gây nguy hiểm đến tính mạng của nạn nhân. Đồng thời, khi người bị hại ra giếng rửa bát bị cáo lại tiếp tục đánh và xô người bị hại xuống giếng rồi bỏ mặc nạn nhân không cứu vớt mà bỏ về là thể hiện bị cáo đã muốn tước đi mạng sống của người bị hại đến cùng.

Chỉ vì những lý do nhỏ nhặt trong cuộc sống mà bị cáo Đ tước đi tính mạng của người khác, thể hiện sự hung hãn, xem thường tính mạng người khác, là phạm tội có tính chất côn đồ, thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và hậu quả gây ra; đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo; đã áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ tù chung thân về tội “Giết người”, là thỏa đáng.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Đ và giữ nguyên bản án sơ thẩm

[7] Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Giết người”

Áp dụng Điểm n Khoản 1 Điều 93; Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ tù chung thân. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 03/6/2016 (Thời gian tạm giam trước đó từ ngày 29/01/2013 đến ngày 24/8/2015)

Tiếp tục tạm giam bị cáo theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

3/ Về bồi thường dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 591 Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải bồi thường cho Đại diện hợp pháp của người bị hại là bà Hà Năm C số tiền 185.000.000 (một trăm tám mươi năm triệu) đồng (gồm chi phí mai táng và chi phí tổn thất tinh thần)

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải cấp dưỡng cho các con của người bị hại Trần A U gồm: Trần Ký C2, sinh ngày 24/6/2011; Trần Ký T, sinh ngày 15/7/2007; Trần Ký Q1, sinh ngày 01/9/2006; Trần Ký M, sinh ngày 27/01/1999; Trần Ký Q2, sinh ngày 11/4/2005; Trần Ký Q3, sinh ngày 04/7/2002 mỗi cháu 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng kể từ ngày 28/01/2013 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

4/ Về xử lý vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

Tịch thu tiêu hủy: 01 khúc gỗ dài 1,17m; 04 mảnh gạch vỡ; 01 áo sơ mi màu xanh ngắn tay; 02 đĩa nhạc; 01 can rượu trắng; 01 số mảnh vỡ của bát sứ; 03 lá bài;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 đồng hồ đeo tay hiệu Cronton; 01 điện thoại Nokia C1; Trả lại cho chị NLQ2 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 52S6 – 1324.

5/ Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền bồi thường (185.000.000 đồng) là 9.250.000 đồng (chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

- Án phí phúc thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Thành

Phạm Trí Tuấn

Trần Thị Hòa Hiệp